

# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
quy định về Chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải**

(Tiếp theo Công báo số 353 + 354)

### PHỤ LỤC 20

**CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC**  
**NGÀNH ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**  
(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**- Trình độ đào tạo, huấn luyện**

Bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp.

**- Hình thức đào tạo, huấn luyện**

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

**- Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp nghề điều khiển tàu biển trình độ trung cấp tại các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp nghề quản lý hàng hải trình độ trung cấp tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp nghề điều khiển phương tiện thủy nội địa trình độ trung cấp tại các trường đào tạo chuyên ngành đường thủy nội địa.

**Thời gian đào tạo, huấn luyện**

Tổng số: 380 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

## **1. Mục tiêu đào tạo**

### **1.1. Mục tiêu chung**

Bổ túc kiến thức, kỹ năng cho học viên có trình độ trung cấp thuộc nhóm ngành điều khiển tàu biển

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên được bổ sung đủ kiến thức, kỹ năng đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-II/3 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW

#### *1.2.1. Về kiến thức*

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chung về dẫn tàu ở mức vận hành;
- Hiểu và vận dụng kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa ở mức vận hành;
- Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức vận hành;
- Thông tin liên lạc ở mức khai thác.

#### *1.2.2. Về kỹ năng*

- Sử dụng hiệu quả các kiến thức và thiết bị để duy trì trực ca an toàn;
- Vận dụng kiến thức về địa văn, các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để lập kế hoạch hành trình, xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn; Sử dụng các kiến thức về khí tượng hải dương để phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để dẫn tàu an toàn;
- Đảm bảo an toàn, kiểm soát an ninh hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường khi làm việc dưới tàu.

#### *1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*

- Độc lập dẫn tàu trên biển theo ca trực;
- Tuân thủ pháp luật quốc gia và quốc tế đảm bảo cho tàu hoạt động an toàn, hiệu quả.

## **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học**

- Số lượng học phần: 4
- Khối lượng học tập toàn khóa: 380 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 57 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 318 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 5 giờ.

### 3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Trực ca	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Nghiệp vụ dẫn tàu	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Thực tập thủy thủ	320	0	318	2	Vấn đáp
<b>Tổng cộng</b>		<b>380</b>	<b>57</b>	<b>318</b>	<b>5</b>	

### 4. Tổ chức thực hiện

#### 4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

#### 4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

##### 4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

#### 4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

- Nội dung đánh giá:

+ Sử dụng hiệu quả các kiến thức và thiết bị để duy trì trực ca an toàn;

+ Vận dụng kiến thức về địa văn, các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để lập kế hoạch hành trình, xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn; Sử dụng các kiến thức về khí tượng hải dương để phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để dẫn tàu an toàn;

+ Đảm bảo an toàn, kiểm soát an ninh hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường khi làm việc dưới tàu.

### 4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

### 5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

**PHỤ LỤC 21****CHƯƠNG TRÌNH BỒ TÚC****NGÀNH ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**- Trình độ đào tạo, huấn luyện**

Bồ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ Sơ cấp.

**- Hình thức đào tạo, huấn luyện**

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

**- Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp nghề điều khiển tàu biển trình độ sơ cấp tại các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp nghề quản lý hàng hải trình độ sơ cấp tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp nghề điều khiển phương tiện thủy nội địa trình độ sơ cấp tại các trường đào tạo chuyên ngành đường thủy nội địa.

**Thời gian đào tạo, huấn luyện**

Tổng số: 60 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

**1. Mục tiêu đào tạo****1.1. Mục tiêu chung**

Bồ túc kiến thức, kỹ năng cho học viên có trình độ sơ cấp thuộc nhóm ngành điều khiển tàu biển.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên được bổ sung đủ kiến thức, kỹ năng đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-II/4, A-II/5 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

**1.2.1. Về kiến thức**

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chung về hàng hải ở mức hỗ trợ;
- Hiểu và vận dụng kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa ở mức hỗ trợ;

- Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức hỗ trợ;
- Bảo quản, sửa chữa ở mức hỗ trợ.

### *1.2.2. Về kỹ năng*

- Sử dụng la bàn từ và la bàn con quay để lái tàu và đồng thời tuân theo lệnh lái bằng tiếng Anh;

- Cảnh giới bằng mắt và tai nghe một cách thích hợp, góp phần giám sát và kiểm soát ca trực an toàn;

- Vận hành các thiết bị khẩn cấp và áp dụng các biện pháp khẩn cấp;

- Sử dụng các thiết bị trên boong, góp phần cho việc đậu, neo tàu, làm hàng, làm dây, bảo quản sửa chữa trên tàu;

- Làm hàng và chằng buộc hàng hóa bao gồm cả hàng lỏng, độc hại nguy hiểm;

- Làm các khuyết dây, buộc các nút dây, nối các dây phục vụ cho các công việc trên tàu. Treo được các loại cờ hiệu và biết ý nghĩa của cờ hiệu;

- Áp dụng các biện pháp an toàn khi làm việc trên tàu;

- Áp dụng các biện pháp phòng ngừa và góp phần ngăn ngừa ô nhiễm môi trường biển.

### *1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*

- Góp phần thực hiện ca trực biển an toàn;

- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;

- Có tác phong, kỷ luật nghiêm để làm việc trên tàu thủy (trong các điều kiện làm việc căng thẳng và khó khăn);

- Làm việc có kỷ luật, phối hợp nhóm tốt;

- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

## **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học**

- Số lượng học phần: 3

- Khối lượng học tập toàn khóa: 60 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 24 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 33 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 3 giờ.

### 3. Nội dung chương trình

STT	Tên học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Trực ca	20	10	9	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Vận chuyển hàng hóa	10	9	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Thủy nghiệp - Thông hiệu	30	5	24	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
<b>Tổng cộng</b>		<b>60</b>	<b>24</b>	<b>33</b>	<b>3</b>	

### 4. Tổ chức thực hiện

#### 4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

#### 4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

##### 4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

#### 4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

- Nội dung đánh giá:

- + Sử dụng hiệu quả các kiến thức và thiết bị để duy trì trực ca an toàn;
- + Làm các nút dây, khuyết để chằng buộc, làm dây buộc tàu;
- + Treo cờ, cờ hiệu đúng ý nghĩa và đúng theo quy định;
- + Vận dụng kiến thức vận chuyển hàng hóa để kiểm soát, chằng buộc, bảo quản hàng hóa an toàn.

#### 4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

#### 5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.



**PHỤ LỤC 22****CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC****NGÀNH KHAI THÁC MÁY TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**- Trình độ đào tạo, huấn luyện**

Bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ đại học.

**- Hình thức đào tạo, huấn luyện:**

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

**- Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp các chương trình đào tạo đại học ngành máy tàu biển của các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải, hoặc tốt nghiệp ngành sửa chữa máy tàu biển (máy tàu thủy) tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải.

**- Thời gian đào tạo/Huấn luyện**

Tổng số: 380 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

**1. Mục tiêu đào tạo****1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo bổ túc khai thác máy tàu biển cung cấp các học phần chưa học hoặc học chưa đầy đủ đối với các trường hợp đã tốt nghiệp đại học các ngành gần. Chương trình trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cần thiết để trở thành các sỹ quan máy tàu biển trong tương lai, đáp ứng yêu cầu của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi. Khi có đủ thời gian làm việc trên tàu theo quy định, người học có thể tham dự kỳ thi sỹ quan vận hành máy để tiếp tục đạt được sự thăng tiến nghề nghiệp.

**1.2. Mục tiêu cụ thể****1.2.1. Về kiến thức**

- Vận dụng kiến thức cơ bản về máy chính và các máy phụ hệ động lực tàu biển ở mức độ trợ giúp;

- Tổ chức khai thác hệ động lực tàu thủy an toàn, hiệu quả, theo đúng chức trách nhiệm vụ;

- Thực hiện bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc hệ động theo nhiệm vụ được phân công.

### 1.2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện việc trực ca với nhiệm vụ của một thợ máy là một phần của ca trực buồng máy;

- Thực hiện các mệnh lệnh theo nhiệm vụ được giao theo đúng chức trách, nhiệm vụ của thợ máy;

- Vận hành các máy móc sự cố và thực hiện đúng quy trình trong các tình huống khẩn cấp theo chức trách, nhiệm vụ.

### 1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Thực hiện ca trực và vận hành các máy móc, thiết bị theo đúng quy trình và tuân thủ các quy định của quốc gia và quốc tế;

- Nhận thức về hệ thống quản lý buồng máy và hệ thống quản lý an toàn quốc tế nhằm đảm bảo ca trực máy an toàn và bảo vệ môi trường theo chức trách, nhiệm vụ.

## 2. Khối lượng kiến thức

- Số lượng học phần: 03

- Khối lượng học tập toàn khóa : 380 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 38 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 338 giờ

- Kiểm tra đánh giá: 04 giờ.

## 3. Nội dung chương trình

STT	Tên học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Khai thác hệ động lực tàu thủy	30	19	10	1	Thi viết hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm

STT	Tên học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
2	Hệ thống quản lý buồng máy	30	19	10	1	Thi viết hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm
3	Thực tập thợ máy	320	0	318	2	Vấn đáp
<b>Tổng cộng</b>		<b>380</b>	<b>38</b>	<b>338</b>	<b>4</b>	

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

##### 4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

##### 4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

###### 4.2.1. Điều kiện dự thi, kiểm tra kết thúc học phần

- Học viên được dự thi/kiểm tra hết học phần khi đã tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

###### 4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp, gồm vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm thi: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

#### 4.2.3. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức cơ bản về chức, năng, hoạt động của máy chính;
- Hiểu biết cơ bản về áp suất, nhiệt độ và các thông số công tác chính và chế độ hoạt động của máy chính;
- Kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động, chế độ làm việc của máy phụ;
- Kiến thức xử lý ô nhiễm môi trường và vận hành thiết bị chống ô nhiễm;
- Nhận ca, duy trì ca trực và giao ca;
- Đưa các máy móc vào hoạt động và theo dõi, duy trì chế độ hoạt động;
- Kiến thức về chức năng, hoạt động và vận hành các hệ thống hút khô, nước dẫn;
- Hiểu biết cơ bản về hệ thống bảo dưỡng theo kế hoạch, hướng dẫn bảo dưỡng của nhà sản xuất và các chỉ dẫn trên tàu;
- Kiến thức về hệ thống quản lý an toàn quốc tế và áp dụng các biện pháp, quy trình phòng ngừa mất an toàn, ứng phó với các tình huống khẩn cấp trên tàu.

#### 4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

#### 5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

**PHỤ LỤC 23****CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC****NGÀNH KHAI THÁC MÁY TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**- Trình độ đào tạo, huấn luyện**

Bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng.

**- Hình thức đào tạo, huấn luyện**

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

**- Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp nghề sửa chữa máy tàu biển, nghề sửa chữa máy tàu thủy trình độ cao đẳng tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp nghề sửa chữa máy tàu biển, nghề sửa chữa máy tàu thủy, nghề khai thác máy tàu biển, nghề khai thác máy tàu thủy, nghề vận hành khai thác máy tàu trình độ cao đẳng tại các trường đào tạo chuyên ngành đường thủy nội địa hoặc tại các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải.

**- Thời gian đào, huấn luyện**

Tổng số: 380 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

**1. Mục tiêu đào tạo****1.1. Mục tiêu chung**

Bổ túc kiến thức, kỹ năng cho học viên có trình độ cao đẳng thuộc nhóm ngành khai thác máy tàu biển.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên được bổ sung đủ kiến thức, kỹ năng đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-III/1 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

**1.2.1. Về kiến thức**

- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ Diesel tàu thủy;

- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, quy trình vận hành và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị phụ trên tàu thủy;
- Trình bày được quy trình vận hành hệ thống điện trên tàu;
- Trình bày được các công việc của thợ máy trực ca đáp ứng quy định Bộ luật STCW;
- Trình bày được các quy định cơ bản về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;
- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực hàng hải;
- Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

#### *1.2.2. Về kỹ năng*

- Vận hành, khai thác an toàn hệ động lực tàu thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa được động cơ Diesel và các máy móc, thiết bị tàu thủy;
- Vận hành được hệ thống điện trên tàu thủy;
- Thực hiện các công việc của thợ máy trực ca đáp ứng quy định trong Bộ luật STCW;
- Thực hiện đúng các biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;
- Sử dụng tiếng Anh phục vụ công việc.

#### *1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*

- Độc lập thực hiện ca trực máy an toàn;
- Vận hành máy chính, máy và thiết bị phụ trong mọi tình huống;
- Bảo dưỡng máy chính, máy và thiết bị phụ trong mọi tình huống;
- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;
- Có tác phong, kỷ luật nghiêm để làm việc trên tàu biển (trong các điều kiện làm việc căng thẳng và khó khăn);
- Làm việc có kỷ luật, phối hợp nhóm tốt;
- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 4
- Khối lượng học tập toàn khóa: 380 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 57 giờ; thực hành, thực tập, mô phỏng: 318 giờ; thi, kiểm tra đánh giá 5 giờ.

## 3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Tiếng Anh chuyên ngành	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Khai thác hệ động lực tàu thủy	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Thực tập thợ máy	320	0	318	2	Vấn đáp
<b>Tổng cộng</b>		<b>380</b>	<b>57</b>	<b>318</b>	<b>5</b>	

## 4. Tổ chức thực hiện

### 4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

## **4.2. Tổ chức đánh giá các học phần**

### *4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần*

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

### *4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần*

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

- Nội dung đánh giá:

- + Khai thác hệ động lực tàu biển;
- + Quy định cơ bản, biện pháp thực hiện an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;
- + Trục ca buồng máy;
- + Vận hành và bảo dưỡng máy móc và một số thiết bị phụ tàu biển;
- + Vận hành hệ thống và các thiết bị điện trên tàu biển;
- + Sử dụng tiếng Anh phục vụ công việc.

## **4.3. Công nhận hoàn thành khóa học**

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

## **5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.



**PHỤ LỤC 24****CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC****NGÀNH KHAI THÁC MÁY TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**- Trình độ đào tạo, huấn luyện**

Bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp.

**- Hình thức đào tạo, huấn luyện**

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

**- Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp nghề sửa chữa máy tàu biển, sửa chữa máy tàu thủy trình độ trung cấp tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp nghề sửa chữa máy tàu biển, sửa chữa máy tàu thủy, khai thác máy tàu biển, khai thác máy tàu thủy, vận hành máy tàu thủy trình độ trung cấp tại các trường đào tạo chuyên ngành đường thủy nội địa hoặc tại các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải.

**- Thời gian đào tạo, huấn luyện**

Tổng số: 380 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

**1. Mục tiêu đào tạo****1.1. Mục tiêu chung**

Bổ túc kiến thức, kỹ năng cho học viên có trình độ trung cấp thuộc nhóm ngành Khai thác máy tàu biển.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên được bổ sung đủ kiến thức, kỹ năng đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-III/1 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

**1.2.1. Về kiến thức**

- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, quy trình vận hành và bảo dưỡng các máy và thiết bị phụ trên tàu thủy;

- Trình bày được quy trình vận hành hệ thống điện trên tàu;

- Trình bày được các công việc của thợ máy trực ca đáp ứng quy định Bộ luật STCW;

- Trình bày được các quy định cơ bản về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

### 1.2.2. Về kỹ năng

- Vận hành, bảo dưỡng được một số máy và thiết bị phụ tàu thủy;
- Vận hành được hệ thống điện trên tàu biển;
- Thực hiện được công việc trực ca đáp ứng quy định trong Bộ luật STCW;
- Thực hiện được các biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;
- Sử dụng được tiếng Anh phục vụ công việc.

### 1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Thực hiện ca trực máy an toàn;
- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;
- Có tác phong, kỷ luật nghiêm để làm việc trên tàu biển (trong các điều kiện làm việc căng thẳng và khó khăn);
- Làm việc có kỷ luật, phối hợp nhóm tốt;
- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 4
- Khối lượng học tập toàn khóa: 380 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 57 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 318 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 5 giờ.

## 3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Tiếng Anh chuyên ngành	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
2	Máy và thiết bị phụ tàu thủy	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Thực tập thợ máy	320	0	318	2	Vấn đáp
<b>Tổng cộng</b>		<b>380</b>	<b>57</b>	<b>318</b>	<b>5</b>	

#### 4. Tổ chức thực hiện

##### 4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

##### 4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

###### 4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

###### 4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

- Nội dung đánh giá:

+ Cấu tạo, nguyên lý hoạt động các máy và thiết bị tàu biển;

+ Quy định cơ bản về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

+ Trục ca buồng máy;

+ Vận hành và bảo dưỡng máy và một số thiết bị phụ tàu biển;

+ Vận hành hệ thống và các thiết bị điện trên tàu biển;

+ Sử dụng tiếng Anh phục vụ công việc.

#### **4.3. Công nhận hoàn thành khóa học**

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

#### **5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

**PHỤ LỤC 25****CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC****NGÀNH KHAI THÁC MÁY TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**- Trình độ đào tạo, huấn luyện**

Bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ sơ cấp.

**- Hình thức đào tạo, huấn luyện**

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

**- Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp chuyên ngành sửa chữa máy tàu biển, sửa chữa máy tàu thủy trình độ sơ cấp tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp nghề sửa chữa máy tàu biển, sửa chữa máy tàu thủy, khai thác máy tàu biển, khai thác máy tàu thủy, vận hành máy tàu thủy trình độ sơ cấp tại các trường đào tạo chuyên ngành đường thủy nội địa hoặc tại các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải.

**- Thời gian đào tạo, huấn luyện**

Tổng số: 60 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

**1. Mục tiêu đào tạo****1.1. Mục tiêu chung**

Bổ túc kiến thức, kỹ năng cho học viên có trình độ sơ cấp thuộc nhóm ngành khai thác máy tàu biển.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên được bổ sung đủ kiến thức, kỹ năng đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-III/4, AIII/5 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

**1.2.1. Về kiến thức**

- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, quy trình vận hành và bảo dưỡng các máy và thiết bị phụ trên tàu thủy;

- Trình bày được các công việc của thợ máy trực ca đáp ứng quy định Bộ luật STCW.

### 1.2.2. Về kỹ năng

- Vận hành, bảo dưỡng được một số máy và thiết bị phụ tàu biển;
- Vận hành được hệ thống điện trên tàu biển;
- Thực hiện được công việc trực ca đáp ứng quy định trong Bộ luật STCW;
- Sử dụng được tiếng Anh phục vụ công việc.

### 1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Thực hiện ca trực máy an toàn;
- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;
- Có tác phong, kỷ luật nghiêm để làm việc trên tàu biển (trong các điều kiện làm việc căng thẳng và khó khăn);
- Làm việc có kỷ luật, phối hợp nhóm tốt;
- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 3
- Khối lượng học tập toàn khóa: 60 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 57 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 0 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 3 giờ.

## 3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Máy và thiết bị phụ tàu thủy	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
2	Trực ca	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Tiếng Anh chuyên ngành	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
<b>Tổng cộng</b>		<b>60</b>	<b>57</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	

#### 4. Tổ chức thực hiện

##### 4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

##### 4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

###### 4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

###### 4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

- Nội dung đánh giá:

+ Cấu tạo, nguyên lý hoạt động các máy và thiết bị tàu biển;

+ Quy định cơ bản về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

+ Trục ca buồng máy;

+ Vận hành và bảo dưỡng máy và một số thiết bị phụ tàu biển;

+ Sử dụng tiếng Anh phục vụ công việc.

#### **4.3. Công nhận hoàn thành khóa học**

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

#### **5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.



**PHỤ LỤC 26****CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC****NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**- Trình độ đào tạo, huấn luyện:**

Bổ sung các kiến thức cần thiết về chuyên ngành kỹ thuật điện tàu thủy trình độ đại học.

**- Hình thức đào tạo, huấn luyện:**

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

**- Đối tượng tuyển sinh:**

Các học viên đã tốt nghiệp trình độ đại học thuộc các chuyên ngành đào tạo điện tự động không thuộc lĩnh vực đào tạo về điện tự động tàu thủy.

Đã tốt nghiệp các chương trình đào tạo đại học ngành điện tàu biển (điện tàu thủy) của các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp ngành điện tự động giao thông vận tải, điện tự động công nghiệp, tự động hóa hệ thống điện tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải.

**- Thời gian đào tạo:**

Tổng số: 570 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

**1. Mục tiêu đào tạo****1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo các kiến thức bổ sung cần thiết cho các học viên có trình độ đại học thuộc các chuyên ngành đào tạo điện tự động không thuộc lĩnh vực đào tạo về điện tự động tàu thủy.

**1.2. Mục tiêu cụ thể****1.2.1. Về kiến thức**

- Hiểu các kiến thức chung về các hệ thống điện trên tàu;
- Hiểu và vận dụng kỹ thuật điện - điện tử trong các sơ đồ hệ thống điện tàu thủy.

**1.2.2. Về kỹ năng**

- Vận dụng kiến thức về điện - điện tử để vận hành các hệ thống điện tàu thủy;

- Sử dụng các kiến thức về điện - điện tử để sửa chữa các hỏng hóc các hệ thống điện tàu thủy.

### 1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Chịu trách nhiệm về vận hành an toàn thiết bị điện và bảo vệ môi trường.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 4
- Khối lượng học tập toàn khóa: 570 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 74 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 486 giờ;
- Kiểm tra đánh giá: 10 giờ.

## 3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Trạm phát điện tàu thủy	30	23	5	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Truyền động điện tàu thủy	30	28	0	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Các hệ thống điện tự động tàu thủy	30	23	5	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Thực tập thợ kỹ thuật điện	480	0	476	4	Vấn đáp
<b>Tổng cộng</b>		<b>570</b>	<b>74</b>	<b>486</b>	<b>10</b>	

## **4. Tổ chức thực hiện**

### **4.1. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **4.2. Tổ chức đánh giá các học phần**

#### *4.2.1. Điều kiện thi/kiểm tra hết học phần:*

Học viên được dự thi/kiểm tra hết học phần khi đã tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

#### *4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:*

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp gồm vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm thi: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

#### *4.2.3. Nội dung đánh giá:*

- Kiến thức về các hệ thống truyền động điện trên tàu thủy;

- Kiến thức về các hệ thống tự động, báo động tàu thủy;

- Kiến thức về các hệ thống điện, bảng điện, trạm phát điện trên tàu biển;

- Bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống truyền động điện và máy điện trên tàu;

- Bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống tự động, báo động tàu thủy;

- Giám sát, vận hành hoạt động của hệ thống điện, bảng điện và trạm phát điện.

### **4.3. Công nhận hoàn thành khóa học**

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

## **5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

**PHỤ LỤC 27****CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC****NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**- Trình độ đào tạo, huấn luyện**

Kỹ thuật điện tàu biển trình độ cao đẳng.

**- Hình thức đào tạo, huấn luyện**

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

**- Đối tượng tuyển sinh:**

Tốt nghiệp nghề kỹ thuật điện điện tử tàu biển; nghề kỹ thuật điện tử tàu thủy; nghề vận hành thiết bị điện và đo lường điều khiển trên tàu thủy; nghề vận hành tổ máy phát điện Diesel; nghề vận hành khai thác điện tàu thủy, nghề điện công nghiệp; nghề công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa trình độ cao đẳng tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp nghề kỹ thuật điện tàu biển; nghề điện tàu thủy; nghề kỹ thuật điện điện tử tàu biển; nghề kỹ thuật điện tử tàu thủy; nghề vận hành thiết bị điện và đo lường điều khiển trên tàu thủy; nghề vận hành tổ máy phát điện Diesel; nghề vận hành khai thác điện tàu thủy trình độ cao đẳng tại các trường đào tạo chuyên ngành đường thủy nội địa hoặc tại các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải.

**Thời gian đào tạo, huấn luyện:**

Tổng số: 555 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

**1. Mục tiêu đào tạo****1.1. Mục tiêu chung**

Bổ túc kiến thức, kỹ năng cho học viên có trình độ cao đẳng thuộc nhóm ngành kỹ thuật điện tàu biển.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, được bổ sung đủ năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-III/6 của Bộ luật STCW.

### *1.2.1. Về kiến thức*

- Trình bày được các quy định liên quan đến thuyền viên, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải và bảo vệ môi trường, công ước ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra;
- Mô tả được nhiệm vụ, chức trách thợ kỹ thuật điện theo quy định ở trên tàu;
- Mô tả được các thông số, hướng dẫn an toàn trên các thiết bị của nhà sản xuất;
- Trình bày được các hệ thống truyền động điện trên tàu thủy;
- Trình bày được hệ thống tự động, báo động tàu thủy;
- Trình bày được các hệ thống điện, bảng điện, trạm phát điện trên tàu biển.

### *1.2.2. Về kỹ năng*

- Sử dụng dụng cụ bằng tay, thiết bị đo điện và điện tử để tìm lỗi;
- Bảo dưỡng và sửa chữa được các hệ thống truyền động điện và máy điện trên tàu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa được các hệ thống tự động, báo động tàu thủy;
- Giám sát, vận hành được hoạt động của hệ thống điện, bảng điện và trạm phát điện;
- Áp dụng các biện pháp an toàn và khẩn cấp trên tàu biển, các phòng ngừa đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

### *1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*

- Rèn luyện tính cẩn thận, vận dụng kiến thức vào thực tế để đảm bảo an toàn khi thực hiện công việc;
- Có ý thức về học tập để nâng cao kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc thợ kỹ thuật điện;
- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;
- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

## **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học**

- Số lượng học phần: 06
- Khối lượng học tập toàn khóa: 555 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 515 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 11 giờ.

### 3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	15	14	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống truyền động điện	20	5	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống tự động, báo động	20	5	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Vận hành trạm phát điện, bảng điện	20	5	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
5	Thực tập thợ kỹ thuật điện	480	0	476	4	Vấn đáp
<b>Tổng cộng</b>		<b>555</b>	<b>29</b>	<b>515</b>	<b>11</b>	

### 4. Tổ chức thực hiện

#### 4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

## **4.2. Tổ chức đánh giá các học phần**

### *4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần*

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

### *4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:*

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

- Nội dung đánh giá:

+ Các quy định cơ bản về an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển;

+ Nhiệm vụ thợ kỹ thuật điện theo quy định ở trên tàu;

+ Đọc, giám sát, đo các thông số điện, không điện;

+ Kiến thức về các hệ thống truyền động điện trên tàu thủy;

+ Kiến thức về các hệ thống tự động, báo động tàu thủy;

+ Kiến thức về các hệ thống điện, bảng điện, trạm phát điện trên tàu biển;

+ Sử dụng dụng cụ bằng tay, thiết bị đo điện và điện tử để tìm lỗi;

+ Bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống truyền động điện và máy điện trên tàu;

+ Bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống tự động, báo động tàu thủy;

+ Giám sát, vận hành hoạt động của hệ thống điện, bảng điện và trạm phát điện;

+ Các biện pháp an toàn và khẩn cấp trên tàu biển, các phòng ngừa đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

## **4.3. Công nhận hoàn thành khóa học**

- Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 05 điểm trở lên theo thang điểm 10.

## **5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

**PHỤ LỤC 28****CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC****NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**- Trình độ đào tạo, huấn luyện**

Kỹ thuật điện tàu biển trình độ trung cấp.

**- Hình thức đào tạo, huấn luyện**

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

**- Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp nghề kỹ thuật điện điện tử tàu biển; nghề kỹ thuật điện tử tàu thủy; nghề vận hành thiết bị điện và đo lường điều khiển trên tàu thủy; nghề vận hành tổ máy phát điện Diesel; nghề vận hành khai thác điện tàu thủy điện công nghiệp; nghề công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa trình độ trung cấp tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp nghề kỹ thuật điện tàu biển; nghề điện tàu thủy; nghề kỹ thuật điện điện tử tàu biển; nghề kỹ thuật điện tử tàu thủy; nghề vận hành thiết bị điện và đo lường điều khiển trên tàu thủy; nghề vận hành tổ máy phát điện Diesel; nghề vận hành khai thác điện tàu thủy trình độ trung cấp tại các trường đào tạo chuyên ngành đường thủy nội địa hoặc tại các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải.

**- Thời gian đào tạo/Huấn luyện:**

Tổng số: 535 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

**1. Mục tiêu đào tạo****1.1. Mục tiêu chung**

Bổ túc kiến thức, kỹ năng cho học viên có trình độ trung cấp thuộc nhóm ngành kỹ thuật điện tàu biển.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có đủ năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-III/7 của Bộ luật STCW.



### *1.2.1. Về kiến thức*

- Trình bày được các quy định liên quan đến thuyền viên, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải và bảo vệ môi trường, công ước ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra;

- Mô tả được nhiệm vụ, chức trách thợ kỹ thuật điện theo quy định ở trên tàu;

- Mô tả được các hệ thống truyền động điện trên tàu thủy, bảng điện, trạm phát điện trên tàu biển.

### *1.2.2. Về kỹ năng*

- Sử dụng dụng cụ bằng tay, thiết bị đo điện và điện tử;

- Bảo dưỡng và sửa chữa được các hệ thống truyền động điện và máy điện trên tàu;

- Giám sát, vận hành được hoạt động của hệ thống điện, bảng điện và trạm phát điện;

- Áp dụng được các biện pháp an toàn và khẩn cấp trên tàu biển, phòng ngừa đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

### *1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*

- Rèn luyện tính cẩn thận, vận dụng kiến thức vào thực tế để đảm bảo an toàn khi thực hiện công việc;

- Có ý thức về học tập để nâng cao kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc thợ kỹ thuật điện;

- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao;

- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

## **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học**

- Số lượng học phần: 04

- Khối lượng học tập toàn khóa: 535 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 24 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 502 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 09 giờ.

### 3. Nội dung chương trình

STT	Tên học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Thực hiện an toàn, an ninh Hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	15	14	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống truyền động điện	20	5	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Vận hành trạm phát điện, bảng điện	20	5	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Thực tập thợ kỹ thuật điện	480	0	476	4	Vấn đáp
<b>Tổng cộng</b>		<b>535</b>	<b>24</b>	<b>502</b>	<b>9</b>	

### 4. Tổ chức thực hiện

#### 4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

## **4.2. Tổ chức đánh giá các học phần**

### *4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần*

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

### *4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:*

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

- Nội dung đánh giá:

+ Các quy định cơ bản về an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển;

+ Nhiệm vụ thợ kỹ thuật điện theo quy định ở trên tàu;

+ Đọc, giám sát, đo các thông số điện, không điện;

+ Bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống truyền động điện và máy điện trên tàu;

+ Giám sát, vận hành hoạt động của hệ thống điện, bảng điện và trạm phát điện;

+ Các biện pháp an toàn và khẩn cấp trên tàu biển, phòng ngừa đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

## **4.3. Công nhận hoàn thành khóa học**

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 05 điểm trở lên theo thang điểm 10.

## **5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

**PHỤ LỤC 29**

**CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC**  
**NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**  
*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023*  
*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**- Trình độ đào tạo, huấn luyện**

Kỹ thuật điện tàu biển trình độ sơ cấp.

**- Hình thức đào tạo, huấn luyện**

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

**- Đối tượng tuyển sinh**

Tốt nghiệp nghề kỹ thuật điện điện tử tàu biển; nghề kỹ thuật điện tử tàu thủy; nghề vận hành thiết bị điện và đo lường điều khiển trên tàu thủy; nghề vận hành tổ máy phát điện Diesel; nghề vận hành khai thác điện tàu thủy; nghề điện công nghiệp trình độ sơ cấp tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp nghề kỹ thuật điện tàu biển; nghề điện tàu thủy; nghề kỹ thuật điện điện tử tàu biển; nghề kỹ thuật điện tử tàu thủy; nghề vận hành thiết bị điện và đo lường điều khiển trên tàu thủy, nghề vận hành tổ máy phát điện Diesel; nghề vận hành khai thác điện tàu thủy trình độ sơ cấp tại các trường đào tạo chuyên ngành đường thủy nội địa hoặc tại các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải

**- Thời gian đào tạo/Huấn luyện:**

Tổng số: 55 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

**1. Mục tiêu đào tạo****1.1. Mục tiêu chung**

Bổ túc kiến thức, kỹ năng cho học viên có trình độ sơ cấp thuộc nhóm ngành kỹ thuật điện tàu biển.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có đủ năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-III/7 của Bộ luật STCW.

**1.2.1. Về kiến thức**

- Mô tả được các hệ thống truyền động điện trên tàu thủy;

- Trình bày quy trình vận hành bảng điện, trạm phát điện trên tàu biển.

### 1.2.2. Về kỹ năng

- Sử dụng dụng cụ bằng tay, thiết bị đo điện và điện tử;
- Bảo dưỡng và sửa chữa được các hệ thống truyền động điện và máy điện trên tàu;
- Giám sát, vận hành được hoạt động của hệ thống điện, bảng điện và trạm phát điện;
- Áp dụng được các biện pháp an toàn và khẩn cấp trên tàu biển, phòng ngừa đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

### 1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Rèn luyện tính cẩn thận, vận dụng kiến thức vào thực tế để đảm bảo an toàn khi thực hiện công việc;
- Có ý thức về học tập để nâng cao kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc thợ kỹ thuật điện;
- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;
- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 02
- Khối lượng học tập toàn khóa: 55 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 10 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 41 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 04 giờ.

## 3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống truyền động điện	30	5	23	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
2	Vận hành trạm phát điện, bảng điện	25	5	18	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
<b>Tổng cộng</b>		<b>55</b>	<b>10</b>	<b>41</b>	<b>4</b>	

#### 4. Tổ chức thực hiện

##### 4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

##### 4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

###### 4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

###### 4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

- Nội dung đánh giá:

+ Đọc, giám sát, đo các thông số điện, không điện;

- + Bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống truyền động điện và máy điện trên tàu;
- + Giám sát, vận hành hoạt động của hệ thống điện, bảng điện và trạm phát điện;

#### **4.3. Công nhận hoàn thành khóa học**

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 05 điểm trở lên theo thang điểm 10.

#### **5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

**PHỤ LỤC 30****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT CỨU SINH**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện về kỹ thuật cứu sinh trên biển cho thuyền viên, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở Mục A-VI/1 của Bộ luật STCW và các sửa đổi.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt năng lực kỹ thuật cứu sinh được nêu tại Bảng A-VI/1-1 của Bộ luật STCW và các sửa đổi. Cụ thể học viên sau khi hoàn thành khóa huấn luyện phải đạt được kỹ năng sau:

- Thực hiện thuần thục việc mặc phao áo đúng kỹ thuật;
- Thực hiện thuần thục việc mặc và sử dụng quần áo giữ nhiệt;
- Nhảy an toàn từ độ cao xuống nước;
- Thực hiện thuần thục việc lật lại phao bè bị úp khi có mặc phao áo;
- Thực hiện thuần thục việc bơi khi có mặc phao áo;
- Thực hiện được việc giữ nổi trên mặt nước khi không mang phao áo;
- Thực hiện được việc lên phương tiện cứu sinh tập thể từ tàu và từ dưới nước có mang phao áo;
- Thực hiện thuần thục các hành động ban đầu khi trên các phương tiện cứu sinh tập thể để tăng cơ hội sống sót;
- Sử dụng thuần thục neo nổi;
- Sử dụng được các thiết bị trong phương tiện cứu sinh tập thể;
- Sử dụng được các trang thiết bị định vị bao gồm cả thiết bị vô tuyến.

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Học viên tham gia khóa học phải đủ 16 tuổi trở lên.



#### **4. Cấp Giấy chứng nhận**

Sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này cùng với các chương huấn luyện: An toàn sinh mạng và trách nhiệm xã hội, phòng cháy chữa cháy, sơ cứu cơ bản và nhận thức an ninh tàu biển, học viên sẽ được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản theo quy định.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

#### **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

#### **6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

#### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Hiểu biết về phao áo, cách sử dụng;

- Hiểu biết về quần áo giữ nhiệt, cách sử dụng;
- Kỹ thuật nhảy từ độ cao xuống nước;
- Hiểu biết về lật lại phao bè bị úp khi có mặc phao áo;
- Hiểu biết về bơi khi có mặc phao áo;
- Hiểu biết về việc giữ nổi trên mặt nước khi không mang phao áo;
- Hiểu biết về việc lên phương tiện cứu sinh tập thể từ tàu và từ dưới nước có mang phao áo;
- Hiểu biết về các hành động ban đầu khi trên các phương tiện cứu sinh tập thể để tăng cơ hội sống sót;
- Hiểu biết về neo nổi, cách sử dụng;
- Hiểu biết về các thiết bị trong phương tiện cứu sinh tập thể, cách sử dụng;
- Hiểu biết về các trang thiết bị định vị bao gồm cả thiết bị vô tuyến, cách sử dụng.

### **8. Phương tiện trợ giảng (A)**

A1 - Thiết bị nghe nhìn: Ti vi/hệ thống máy chiếu;

A2 - Đĩa DVD/VCD/file video clip v.v...

### **9. Tham chiếu theo IMO (R)**

R1 - IMO Model Course 1.19

### **10. Tài liệu học tập (T)**

T1 - Bài giảng Kỹ thuật cứu sinh

### **Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Hướng dẫn an toàn và sinh tồn trên biển	1.0	
2	Các tình huống khẩn cấp trên biển và Bảng phân công nhiệm vụ khi có báo động	1.0	
3	Rời bỏ tàu	1.0	

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
4	Các trang thiết bị cứu sinh cá nhân	1.0	3.0
5	Các phương tiện cứu sinh tập thể và xuồng cấp cứu	1.5	2.0
6	Rời bỏ tàu và sống sót	1.5	3.0
7	Thiết bị VTĐ phục vụ cứu sinh	1.0	1.0
8	Hành động của người được cứu	1.0	1.0
9	Đánh giá	1.0	
	<b>Tổng</b>	<b>10.0</b>	<b>10.0</b>
		<b>20</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 31****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN****AN TOÀN SINH MẠNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện về an toàn sinh mạng và trách nhiệm xã hội cho thuyền viên, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở Mục A-VI/1 của Bộ luật STCW và các sửa đổi.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt năng lực an toàn sinh mạng và trách nhiệm xã hội được nêu tại Bảng A- VI/1-4 của Bộ luật STCW và các sửa đổi. Cụ thể học viên sau khi hoàn thành khóa huấn luyện phải đạt được kỹ năng sau:

- Tuân thủ các quy trình khẩn cấp;
- Nắm được các lưu ý để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường biển;
- Nắm được thực tiễn làm việc an toàn;
- Hiểu lệnh và thực hiện mệnh lệnh liên quan đến nhiệm vụ trên tàu;
- Điều chỉnh hiệu quả mối quan hệ con người trên tàu, có đầy đủ tinh thần và sức khỏe để làm việc trên tàu.

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Học viên tham gia khóa học phải đủ 16 tuổi trở lên.

**4. Cấp Giấy chứng nhận**

Sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này cùng với các chương huấn luyện: Cứu sinh, phòng cháy chữa cháy, sơ cứu cơ bản và nhận thức an ninh tàu biển, học viên sẽ được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản theo quy định.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

### **5. Tổ chức lớp học**

Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học.

Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Tuân thủ các quy trình khẩn cấp;
- Lưu ý để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường biển;
- Thực tiễn làm việc an toàn;
- Thực hiện mệnh lệnh liên quan đến nhiệm vụ trên tàu;
- Điều chỉnh hiệu quả mối quan hệ con người trên tàu, có đầy đủ tinh thần và sức khỏe để làm việc trên tàu.

**8. Thiết bị trợ giảng (A)**

A1 - Thiết bị nghe nhìn: Ti vi/hệ thống máy chiếu;

A2 - Đĩa DVD/VCD/file video clip v.v...

**9. Tham chiếu theo IMO (R)**

R1 - IMO Model Course 1.21

**10. Tài liệu học tập (T)**

T1 - Bài giảng An toàn sinh mạng và trách nhiệm xã hội

**Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Tuân thủ các quy trình khẩn cấp	2.0	1.0
2	Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường biển	3.0	1.0
3	An toàn khi thực hiện công việc trên tàu	3.0	2.0
4	Tác động thông tin hiệu quả trên tàu	3.0	2.0
5	Sự tác động của quan hệ con người trên tàu	3.0	
6	Nhận biết và hành động cần thiết phải kiểm soát sự mệt mỏi	3.0	
7	Đánh giá	1.0	
	<b>Cộng</b>	<b>18</b>	<b>6</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 32****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ  
TRÊN BÈ CỨU SINH VÀ XUỒNG CỨU NẠN**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện về nghiệp vụ bè cứu sinh và xuồng cứu nạn cho thuyền viên đáp ứng các yêu cầu tối thiểu theo bảng A-VI/2-1 của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực nêu tại Bảng A-VI/2-1 của Bộ luật STCW và các sửa đổi. Cụ thể các học viên phải nắm được các kiến thức và kỹ năng như sau:

- Đưa ra các lệnh đúng để hạ thủy và cho người lên bè cứu sinh, rời xa thân tàu, điều hành và đưa người rời khỏi bè cứu sinh;
- Chuẩn bị và hạ thủy an toàn bè cứu sinh và nhanh chóng rời xa thân tàu;
- Thu hồi an toàn bè cứu sinh và xuồng cứu nạn;
- Chèo và lái xuồng cũng như định hướng bằng la bàn;
- Thực hiện các hướng tìm kiếm, có tính đến yếu tố môi trường.

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản.

**4. Giấy chứng nhận**

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ bè cứu sinh và xuồng cứu nạn.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

### **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Kỹ năng chuẩn bị và hạ thủy bè cứu sinh và xuống cứu nạn;
- Kiến thức về đưa người lên bè cứu sinh và xuống cứu nạn;
- Kỹ năng thu hồi bè cứu sinh và xuống cứu nạn;
- Kỹ năng chèo và lái xuồng cũng như định hướng bằng la bàn;
- Kỹ năng sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc và phát tín hiệu trên bè cứu sinh và xuống cứu nạn;
- Kiến thức về sơ cứu ban đầu cho người được cứu.

### **8. Phương tiện trợ giảng (A)**

A1 - Thiết bị nghe nhìn: Ti vi/hệ thống máy chiếu;

A2 - Đĩa DVD/VCD/file video clip v.v...

### **9. Tham chiếu theo IMO (R)**

R1 - IMO Model Course 1.23.



**10. Tài liệu học tập (T)**

T1 - Bài giảng Nghiệp vụ bè cứu sinh và xuồng cứu nạn

**Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Mở đầu	0.5	
2	Khái quát chung	1.5	
3	Rời bỏ tàu	0.5	
4	Phương tiện cứu sinh tập thể và xuồng cấp cứu	1.0	
5	Thiết bị nâng hạ phương tiện cứu sinh	1.0	
6	Hạ và thu phương tiện cứu sinh tập thể và xuồng cấp cứu	1.0	
7	Các việc phải làm khi rời xa tàu mẹ	0.5	
8	Máy xuồng cứu sinh và các hệ thống phụ	1.5	
9	Xuồng cấp cứu có máy tháo rời	1.0	
10	Điều khiển phương tiện cứu sinh và xuồng cấp cứu khi biển động	1.0	
11	Hành động khi ở trên phương tiện cứu sinh	1.5	
12	Cứu hộ bằng máy bay trực thăng	1.5	
13	Thiết bị chống mất nhiệt	0.5	0.5
14	Thiết bị Radio	1.0	0.5
15	Sơ cứu	1.0	1.0
16	Thực hành nâng hạ xuồng		3.0
17	Thực hành hạ phao bè		3.0
18	Thực hành nâng hạ xuồng cứu nạn		3.0
19	Thực hành tổng hợp và kiểm tra		6.0
	<b>Cộng</b>	<b>15</b>	<b>17</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>32</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 33****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN XUỒNG CỨU NẠN CAO TỐC**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện về xuồng cứu nạn cao tốc cho thuyền viên đáp ứng các yêu cầu tối thiểu theo bảng A-VI/2-2 của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau khi hoàn thành khóa huấn luyện phải đạt được kỹ năng sau:

- Hiểu cấu trúc, bảo trì, sửa chữa trang thiết bị của xuồng cứu nạn cao tốc;
- Đảm trách các trang thiết bị hạ thủy thường được trang bị trong khi hạ thủy và thu hồi;
- Đảm trách xuồng cứu nạn cao tốc thường được trang bị trong khi hạ thủy và thu hồi;
- Đảm trách xuồng cứu nạn cao tốc sau khi hạ thủy;
- Vận hành xuồng cứu nạn cao tốc gắn máy.

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ bè cứu sinh và xuồng cứu nạn.

**4. Cấp Giấy chứng nhận**

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện xuồng cứu nạn cao tốc.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

**5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, nhưng số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

Có kiến thức, kinh nghiệm trong việc chuẩn bị, lên xuống, hạ thủy và vận hành xuống cứu nạn cao tốc.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Cấu trúc, bảo trì, sửa chữa trang thiết bị của xuống cứu nạn cao tốc;
- Các trang thiết bị hạ thủy thường được trang bị trong khi hạ thủy và thu hồi;
- Xuồng cứu nạn cao tốc thường được trang bị trong khi hạ thủy và thu hồi;
- Xuồng cứu nạn cao tốc sau khi hạ thủy;
- Vận hành xuống cứu nạn cao tốc gắn máy.

### **8. Phương tiện trợ giảng (A)**

A1 - Thiết bị nghe nhìn: Ti vi/hệ thống máy chiếu;

A2 - Đĩa DVD/VCD/file video clip v.v...

### **9. Tham chiếu theo IMO (R)**

R1 - IMO Model Course 1.24.

### **10. Tài liệu học tập (T)**

T1 - Bài giảng Xuồng cứu nạn cao tốc

**Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Giới thiệu chung	0.5	
2	Cấu trúc, trang bị của xuồng cứu nạn cao tốc và các thiết bị cá nhân trên xuồng	1.0	
3	Các đặc tính và phương tiện riêng biệt của xuồng cứu nạn cao tốc	0.5	
4	Phương tiện hàng hải và an toàn trên xuồng cứu nạn cao tốc	1.0	
5	Các chú ý an toàn khi nâng hạ xuồng cứu nạn cao tốc	0.5	3.0
6	Điều khiển xuồng trong điều kiện bình thường và điều kiện thời tiết bất lợi	2.0	6.0
7	Quy trình lật lại xuồng cứu nạn cao tốc khi bị úp	0.5	2.0
8	Mô hình tìm kiếm và tác động của những yếu tố môi trường	1.5	3.0
9	Đánh giá tính sẵn sàng của xuồng cứu nạn cao tốc và trang thiết bị	0.5	
10	Kiến thức về bảo dưỡng, sửa chữa khẩn cấp, bơm xả hơi các khoang nổi của xuồng cứu nạn bơm hơi	0.5	
11	Phương pháp khởi động, khai thác máy và các thiết bị phụ trợ của xuồng cứu nạn cao tốc	0.5	1.0
	<b>Cộng</b>	<b>9</b>	<b>15</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 34****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN QUẢN LÝ ĐÁM ĐÔNG ĐỐI VỚI  
TÀU KHÁCH VÀ TÀU KHÁCH RO-RO**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cho cho các sỹ quan và thuyền viên về quản lý đám đông đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở mục A-V/2 của Bộ luật STCW và các sửa đổi.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực nêu tại Bảng A-V/2-1 của Bộ luật STCW và các sửa đổi. Cụ thể các học viên phải nắm được các kiến thức và kỹ năng như sau:

- Sử dụng thuần thục các trang thiết bị cứu sinh và các kế hoạch kiểm soát trên tàu;
- Thực hiện thuần thục việc hướng dẫn hành khách đến khu vực tập trung và khu vực đặt xuống cứu sinh;
- Thực hiện thuần thục các kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, các quy trình tập trung và sơ tán trên tàu khách và tàu khách Ro-Ro.

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Học viên tham gia khóa học phải hoàn thành chương trình huấn luyện nghiệp vụ cơ bản.

**4. Cấp Giấy chứng nhận**

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận quản lý đám đông đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

## **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

## **6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải. Giảng viên, huấn luyện viên phải:

- Có hiểu biết việc thiết lập các quy trình cho hành khách lên và xuống tàu;
- Được đào tạo về các kỹ năng hướng dẫn và năng lực đánh giá.

## **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Các trang thiết bị cứu sinh và các kế hoạch kiểm soát trên tàu;
- Việc hướng dẫn hành khách đến khu vực tập trung và khu vực đặt xuống cứu sinh;
- Các kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, các quy trình tập trung và sơ tán trên tàu khách và tàu khách Ro-Ro.

## **8. Phương tiện trợ giảng (A)**

A1 - Hệ thống trình chiếu/ti vi.

**9. Tham chiếu theo IMO (R)**

R1 - IMO Model Course 1.41

**10. Tài liệu học tập (T)**

T1 - Bài giảng “Huấn luyện Quản lý đám đông đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro”

**Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Phần mở đầu	0.5	
2	Triển khai các kế hoạch, quy trình khẩn cấp để tập trung và sơ tán hành khách trên tàu	2.5	2.0
3	Tập trung và sơ tán hành khách	1.0	5.5
4	Đánh giá	0.5	
	<b>Cộng</b>	<b>4.5</b>	<b>7.5</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 35****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN AN TOÀN CHO NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRỰC TIẾP TRONG KHOANG HÀNH KHÁCH TÀU KHÁCH VÀ TÀU KHÁCH RO-RO**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện an toàn cho nhân viên phục vụ trực tiếp trong khoang hành khách và tàu khách Ro - Ro, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở quy định V/2 và mục A/V-2 của Bộ luật STCW và các sửa đổi.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực nêu tại mục A/V-2 của Bộ luật STCW và các sửa đổi. Cụ thể các học viên phải nắm được các kiến thức và kỹ năng như sau:

- Thực hiện thành thạo quy trình liên lạc hiệu quả với thuyền viên và hành khách trong quá trình khẩn cấp;
- Thực hiện thuần thục quy trình hướng dẫn cho hành khách cách sử dụng các thiết bị cứu sinh cá nhân;
- Thực hiện thuần thục quy trình đưa khách lên xuống tàu an toàn với lưu ý đặc biệt cho người tàn tật và người cần được giúp đỡ trong trường hợp khẩn cấp.

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Học viên tham gia khóa học phải có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản.

**4. Cấp Giấy chứng nhận**

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn cho nhân viên phục vụ trực tiếp trong khoang hành khách và tàu khách Ro - Ro.



Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

### **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

Giảng viên, huấn luyện viên phải:

- Có hiểu biết về việc thiết lập các quy trình cho hành khách lên và xuống tàu;
- Được đào tạo về các kỹ năng hướng dẫn và năng lực đánh giá.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Quy trình liên lạc hiệu quả với thuyền viên và hành khách trong quá trình khẩn cấp;

- Quy trình hướng dẫn cho hành khách cách sử dụng các thiết bị cứu sinh cá nhân;

- Quy trình đưa khách lên xuống tàu an toàn với lưu ý đặc biệt cho người tàn tật và người cần được giúp đỡ trong trường hợp khẩn cấp.

### **8. Phương tiện trợ giảng (A)**

A1 - Hệ thống trình chiếu/ti vi.

### **9. Tham chiếu theo IMO (R)**

R1 - IMO Model Course 1.44

### **10. Tài liệu học tập (T)**

T1 - Bài giảng Huấn luyện an toàn cho nhân viên phục vụ trực tiếp trong khoang hành khách và tàu khách Ro - Ro

### **Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
	Giới thiệu về khóa học	0.5	
1	Các yêu cầu để thực hiện hiệu quả thông tin liên lạc với hành khách trong trường hợp khẩn cấp	0.5	1.5
2	Trang thiết bị cứu sinh cá nhân, quy trình và hướng dẫn sử dụng	1.0	1.0
3	Quy trình tiếp nhận và trả hành khách	1.0	
	Đánh giá	0.5	
	<b>Cộng</b>	<b>3.5</b>	<b>2.5</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 36****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN AN TOÀN HÀNH KHÁCH, AN TOÀN HÀNG HÓA VÀ TÍNH NGUYÊN VỆN CỦA VỎ TÀU ĐỐI VỚI TÀU KHÁCH VÀ TÀU KHÁCH RO-RO**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cho cho các sỹ quan và thuyền viên về an toàn hành khách, an toàn hàng hóa và tính nguyên vẹn của vỏ tàu đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở mục A-V/2 của Bộ luật STCW và các sửa đổi.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực nêu tại mục A-V/2 của Bộ luật STCW và các sửa đổi. Cụ thể các học viên phải nắm được các kiến thức và kỹ năng như sau:

- Thực hiện quy trình xếp dỡ hàng hóa của tàu khách Ro-Ro;
- Hiểu được các yêu cầu về vận chuyển an toàn hàng nguy hiểm;
- Hiểu được các yêu cầu đối với việc chằng buộc hàng hóa và sử dụng các thiết bị, vật liệu chằng buộc hàng hóa;
- Đánh giá ổn định của tàu khách Ro-Ro;
- Thực hiện quy trình mở, đóng và cố định các cửa trên tàu;
- Theo dõi và duy trì chất lượng môi trường không khí trên tàu khách Ro-Ro.

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Học viên tham gia khóa học phải từ 18 tuổi trở lên.

**4. Cấp Giấy chứng nhận**

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện quản lý khủng hoảng và phản ứng của con người trên tàu khách và tàu khách Ro-Ro.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

### **5. Tổ chức khóa học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải, và phải:

- Có hiểu biết về việc thiết lập các quy trình cho hành khách lên và xuống tàu;
- Được đào tạo về các kỹ năng hướng dẫn và năng lực đánh giá.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Quy trình xếp dỡ hàng hóa của tàu khách Ro-Ro;
- Các yêu cầu về vận chuyển an toàn hàng nguy hiểm;
- Các yêu cầu đối với việc chằng buộc hàng hóa và sử dụng các thiết bị, vật liệu chằng buộc hàng hóa;

- Đánh giá ổn định của tàu khách Ro-Ro;
- Quy trình mở, đóng và cố định các cửa trên tàu;
- Chất lượng môi trường không khí trên tàu khách Ro-Ro.

### 8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1 - Hệ thống trình chiếu/tivi.

### 9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1 - IMO Model Course 1.29.

### 10. Tài liệu học tập (T)

T1 - Bài giảng An toàn hành khách, an toàn hàng hóa và tính nguyên vẹn của vỏ tàu đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro.

### Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
	Giới thiệu về khóa học	0.5	
1	Quy trình tiếp nhận hàng hóa và hành khách lên tàu	2.5	2.0
2	Các yêu cầu đặc biệt đối với vận chuyển hàng nguy hiểm	1.0	0.5
3	Các yêu cầu đối với chằng buộc hàng hóa	1.5	0.5
4	Các yêu cầu về ổn định, hiệu số mớn nước và ứng suất của tàu	2.0	4.0
5	Các yêu cầu đối với hoạt động mở, đóng, chằng buộc các cửa và cầu dẫn	1.0	2.0
6	Các yêu cầu về môi trường không khí trong khoang chứa xe	1.0	1.0
7	Kiểm tra đánh giá	0.5	
	<b>Cộng</b>	<b>10</b>	<b>10</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 37****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG  
VÀ PHẢN ỨNG CỦA CON NGƯỜI TRÊN TÀU KHÁCH VÀ  
TÀU KHÁCH RO-RO**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cho cho các sỹ quan và thuyền viên về quản lý khủng hoảng trong các tình huống khẩn cấp trên tàu khách, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở mục A-V/2 của Bộ luật STCW và các sửa đổi.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực nêu tại Bảng A-V/2-2 của Bộ luật STCW và các sửa đổi. Cụ thể các học viên phải nắm được các kiến thức và kỹ năng như sau:

- Thiết lập được quy trình khẩn cấp trên tàu khách;
- Tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực trên tàu trong những tình huống khẩn cấp;
- Kiểm soát ứng phó với những tình huống khẩn cấp;
- Kiểm soát hành khách và nhân sự khác trên tàu khách trong những tình huống khẩn cấp;
- Thiết lập và duy trì một cách hiệu quả thông tin liên lạc trong tình huống khẩn cấp.

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Học viên tham gia khóa học phải đủ 18 tuổi trở lên.

**4. Cấp Giấy chứng nhận**

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện quản lý khủng hoảng và phản ứng của con người trên tàu khách và tàu khách Ro-Ro.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

### **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải, và phải:

- Có hiểu biết về việc thiết lập các quy trình cho hành khách lên và xuống tàu;
- Được đào tạo về các kỹ năng hướng dẫn và năng lực đánh giá.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Quy trình khẩn cấp trên tàu khách;
- Sử dụng các nguồn lực trên tàu trong những tình huống khẩn cấp;
- Kiểm soát ứng phó với những tình huống khẩn cấp;

- Kiểm soát hành khách và nhân sự khác trên tàu khách trong những tình huống khẩn cấp;

- Thông tin liên lạc trong tình huống khẩn cấp.

### 8. Phương tiện trợ giảng (A)

A1 - Hệ thống trình chiếu/ti vi.

### 9. Tham chiếu theo IMO (R)

R1 - IMO Model Course 1.42.

### 10. Tài liệu học tập (T)

T1 - Bài giảng Huấn luyện quản lý khủng hoảng và phản ứng của con người trên tàu khách và tàu khách Ro-Ro.

### Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
	Giới thiệu về khóa học	0.5	
1	Thiết lập quy trình khẩn cấp trên tàu	1.0	
2	Tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực trên tàu	0.5	2.0
3	Kiểm soát ứng phó với những tình huống khẩn cấp	0.5	3.0
4	Kiểm soát hành khách và nhân sự khác trên tàu trong những tình huống khẩn cấp, đặc biệt khi xảy ra tình huống khủng hoảng	2.0	
5	Tầm quan trọng của việc thiết lập và duy trì một cách hiệu quả thông tin liên lạc trong tình huống khẩn cấp	1.0	1.0
6	Kiểm tra đánh giá	0.5	
		<b>6.0</b>	<b>6.0</b>
	<b>Tổng</b>	<b>12</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.



## PHỤ LỤC 38

### CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NHẬN THỨC AN NINH TÀU BIỂN

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

#### **Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện**

##### **1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện về kiến thức cơ bản cho thuyền viên không được phân công thực hiện nhiệm vụ an ninh cụ thể trong kế hoạch an ninh tàu biển đáp ứng các quy định trong Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (Bộ luật ISPS), và phần A-VI/6 của Bộ luật về tiêu chuẩn đào tạo, chứng nhận và trực ca cho thuyền viên (Bộ luật STCW và các sửa đổi).

##### **2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được kỹ năng trợ giúp thực hiện kế hoạch an ninh tàu biển, bao gồm những kỹ năng như sau:

- Nhận biết được ý nghĩa và cách thức thực hiện tại từng cấp độ an ninh;
- Thực hiện nhận biết được và phát hiện vũ khí, thiết bị và vật liệu nguy hiểm;
- Thực hiện nhận biết được các đặc điểm, hành vi của đối tượng có khả năng đe dọa an ninh;
- Thực hiện nhận biết được các hành động thường sử dụng để vô hiệu hóa các biện pháp an ninh;
- Hiểu rõ kiến thức về các quy trình và kế hoạch ứng phó sự cố.

##### **3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Học viên tham gia khóa học phải đủ 16 tuổi trở lên.

##### **4. Cấp Giấy chứng nhận**

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này cùng với các chương huấn luyện: An toàn sinh mạng và trách nhiệm xã hội, phòng cháy chữa cháy, sơ cứu cơ bản và kỹ thuật cứu sinh, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện cơ bản.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

### **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Ý nghĩa và cách thức thực hiện tại từng cấp độ an ninh;
- Cách phát hiện vũ khí, thiết bị và vật liệu nguy hiểm;
- Các đặc điểm, hành vi của đối tượng có khả năng đe dọa an ninh;
- Các hành động thường sử dụng để vô hiệu hóa các biện pháp an ninh;
- Các quy trình và kế hoạch ứng phó sự cố.

**8. Phương tiện trợ giảng (A)**

A1 - Thiết bị nghe nhìn: Ti vi/hệ thống máy chiếu;

A2 - Đĩa DVD/VCD/file video clip v.v...

**9. Tham chiếu theo IMO (R)**

R1 - IMO Model course 3.27.

**10. Tài liệu học tập (T)**

T1 - Bài giảng Nhận thức an ninh tàu biển.

**Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Giới thiệu chung	1.0	
2	Nâng cao nhận thức an ninh hàng hải	3.0	
3	Nhận biết các đe dọa an ninh	2.5	
4	Thấu hiểu về sự cần thiết và các biện pháp để duy trì nhận thức và cảnh giác về an ninh	1.0	
5	Kiểm tra đánh giá	0.5	
	<b>Tổng</b>	<b>08</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 39****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN CÓ NHIỆM VỤ  
AN NINH TÀU BIỂN CỤ THỂ**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện về kiến thức cho những thuyền viên được phân công thực hiện nhiệm vụ an ninh cụ thể trong kế hoạch an ninh tàu biển đáp ứng quy định trong Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (Bộ luật ISPS), và phần A-VI/6 của Bộ luật về tiêu chuẩn đào tạo, chứng nhận và trực ca cho thuyền viên (Bộ luật STCW và các sửa đổi).

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt năng lực để thực hiện nhiệm vụ thuyền viên có nhiệm vụ an ninh cụ thể trong kế hoạch an ninh tàu biển, bao gồm:

- Hiểu rõ kiến thức về các mối đe dọa và hình thái an ninh hàng hải hiện tại;
- Thực hiện thuần thục việc nhận biết, phát hiện vũ khí, các vật liệu và thiết bị nguy hiểm;
- Thực hiện thuần thục việc nhận biết các đặc điểm và biểu hiện hành vi của đối tượng có khả năng gây mối đe dọa an ninh;
- Thực hiện thuần thục việc nhận biết các kỹ xảo thường sử dụng để vô hiệu hóa các biện pháp an ninh;
- Thực hiện được các kỹ năng quản lý và kiểm soát đám đông;
- Thực hiện được việc liên lạc và trao đổi thông tin an ninh;
- Hiểu rõ kiến thức về các quy trình và kế hoạch ứng phó sự cố;
- Hiểu rõ các hoạt động của hệ thống và thiết bị an ninh;
- Thực hiện được việc thử, hiệu chuẩn và bảo dưỡng thiết bị an ninh trên tàu;

- Thực hiện được các kỹ thuật kiểm tra, kiểm soát và giám sát;
- Thực hiện được các phương pháp kiểm tra, lục soát người, tư trang, hành lý, hàng hóa và vật tư cấp lên tàu.

### **3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Học viên tham gia khóa học phải đủ 16 tuổi trở lên.

### **4. Cấp Giấy chứng nhận**

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp giấy chứng nhận huấn luyện thuyền viên có nhiệm vụ an ninh tàu biển cụ thể theo quy định.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

### **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Các mối đe dọa và hình thái an ninh hàng hải hiện tại;
- Nhận biết, phát hiện vũ khí, các vật liệu và thiết bị nguy hiểm;
- Nhận biết các đặc điểm và biểu hiện hành vi của đối tượng có khả năng gây mối đe dọa an ninh;
- Nhận biết các kỹ xảo thường sử dụng để vô hiệu hóa các biện pháp an ninh;
- Quản lý và kiểm soát đám đông;
- Việc liên lạc và trao đổi thông tin an ninh;
- Các quy trình và kế hoạch ứng phó sự cố;
- Hoạt động của hệ thống và thiết bị an ninh;
- Việc thử, hiệu chuẩn và bảo dưỡng thiết bị an ninh trên tàu;
- Các kỹ thuật kiểm tra, kiểm soát và giám sát;
- Các phương pháp kiểm tra, lục soát người, tư trang, hành lý, hàng hóa và vật tư cấp lên tàu.

### **8. Phương tiện trợ giảng (A)**

- A1 - Thiết bị nghe nhìn: Hệ thống trình chiếu/Tivi;
- A2 - Băng video, đĩa DVD/VCD, file video clip v.v...

### **9. Tham chiếu theo IMO (R)**

- R1 - IMO Model course 3.26.

### **10. Tài liệu học tập (T)**

- T1 - Bài giảng Thuyền viên có nhiệm vụ an ninh tàu biển cụ thể.

**Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Giới thiệu chung	1.0	
2	Duy trì các điều kiện theo kế hoạch an ninh của tàu	4.0	
3	Nhận biết các nguy cơ và đe dọa an ninh	3.0	
4	Thực hiện thanh tra an ninh tàu thường kỳ	2.0	
5	Sử dụng thích hợp các hệ thống và thiết bị an ninh	1.0	
6	Kiểm tra đánh giá	1.0	
	<b>Tổng</b>	<b>12 giờ</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 40****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN SỸ QUAN AN NINH TÀU BIỂN**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện kiến thức, kỹ năng để thực hiện và duy trì kế hoạch an ninh tàu biển cho những người có thể được phân công thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của một sỹ quan an ninh tàu biển đáp ứng quy định trong phần A/2.1.6 và phần A/12 của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (Bộ luật ISPS) và phần A-VI/5 của Bộ luật về tiêu chuẩn đào tạo, chứng nhận và trực ca cho thuyền viên (Bộ luật STCW và các sửa đổi).

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được kiến thức, kỹ năng để có thể thực hiện nhiệm vụ sỹ quan an ninh tàu biển như quy định A/12.2 của Bộ luật ISPS và A-VI/5 của Bộ luật STCW, bao gồm:

- Thực hiện thuận thực việc kiểm tra an ninh thường kỳ trên tàu để đảm bảo các biện pháp an ninh phù hợp được duy trì;
- Thực hiện tốt việc duy trì và giám sát việc thực hiện kế hoạch an ninh tàu, kể cả việc bổ sung sửa đổi liên quan;
- Thực hiện thuận thực việc điều phối các hoạt động trong an ninh trong quá trình làm hàng, cung cấp lương thực thực phẩm và dự trữ của tàu với những người trên tàu và với nhân viên an của bến cảng;
- Hiểu và đề xuất được những bổ sung sửa đổi cho kế hoạch an ninh tàu;
- Thực hiện thuận thực việc báo cáo cho cán bộ an ninh công ty về bất kỳ khiếm khuyết và sự không phù hợp nào được phát hiện trong các lần đánh giá nội bộ, soát xét định kỳ, đợt kiểm tra an ninh trên tàu, kiểm tra sự tuân thủ, thực hiện các hành động khắc phục;
- Thực hiện được việc nâng cao nhận thức và tinh thần cảnh giác an ninh trên tàu;



- Đảm bảo được việc huấn luyện về an ninh đầy đủ cho những người trên tàu, tùy theo mức độ yêu cầu;

- Thực hiện thuần thực việc báo cáo tất cả các sự cố an ninh;

- Thực hiện được việc phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch an ninh tàu với cán bộ an ninh công ty và cán bộ an ninh bến cảng;

- Thực hiện tốt việc đảm bảo các thiết bị an ninh trên tàu được hoạt động, thử, hiệu chuẩn và bảo dưỡng phù hợp.

### **3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Học viên tham gia khóa học phải đủ 18 tuổi trở lên.

### **4. Cấp Giấy chứng nhận**

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện sỹ quan an ninh tàu biển.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

### **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Kiểm tra an ninh thường kỳ trên tàu để đảm bảo các biện pháp an ninh phù hợp được duy trì;
- Duy trì và giám sát việc thực hiện kế hoạch an ninh tàu, kể cả việc bổ sung sửa đổi liên quan;
- Điều phối các hoạt động trong an ninh trong quá trình làm hàng, cung cấp lương thực thực phẩm và dự trữ của tàu với những người trên tàu và với nhân viên an của bến cảng;
- Bổ sung sửa đổi cho kế hoạch an ninh tàu;
- Việc báo cáo cho cán bộ an ninh công ty về bất kỳ khiếm khuyết và sự không phù hợp nào được phát hiện trong các lần đánh giá nội bộ, soát xét định kỳ, đợt kiểm tra an ninh trên tàu, kiểm tra sự tuân thủ, thực hiện các hành động khắc phục;
- Nâng cao nhận thức và tinh thần cảnh giác an ninh trên tàu;
- Việc huấn luyện về an ninh đầy đủ cho những người trên tàu, tùy theo mức độ yêu cầu;
- Báo cáo tất cả các sự cố an ninh;
- Việc phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch an ninh tàu với cán bộ an ninh công ty và cán bộ an ninh bến cảng;
- Đảm bảo các thiết bị an ninh trên tàu được hoạt động, thử, hiệu chuẩn và bảo dưỡng phù hợp.

## **8. Phương tiện trợ giảng (A)**

- A1 - Thiết bị nghe nhìn: Ti vi/hệ thống máy chiếu;
- A2 - Đĩa DVD/VCD/file video clip v.v...

## **9. Tham chiếu theo IMO (R)**

- R1 - IMO Model course 3.19.

**10. Tài liệu học tập (T)**

T1 - Bài giảng Sỹ quan an ninh tàu biển.

**Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Mở đầu	1.5	
2	Chính sách an ninh hàng hải	2.0	
3	Trách nhiệm an ninh	2.0	
4	Đánh giá an ninh tàu	2.0	
5	Thiết bị an ninh	2.0	
6	Kế hoạch an ninh tàu	2.0	
7	Nhận biết, xác định và ứng phó các đe dọa	4.0	
8	Các hoạt động an ninh	1.5	
9	Sẵn sàng ứng phó sự cố, huấn luyện và thực tập	1.0	
10	Quản trị an ninh	1.0	
11	Đào tạo về an ninh	0.5	
12	Kiểm tra đánh giá	0.5	
	<b>Tổng</b>	<b>20 giờ</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 41****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**  
(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện về phòng cháy chữa cháy cho thuyền viên, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở Mục A-VI/1 của Bộ luật STCW và các sửa đổi.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt năng lực phòng cháy chữa cháy được nêu tại Bảng A- VI/1-2 của Bộ luật STCW và các sửa đổi. Cụ thể học viên sau khi hoàn thành khóa huấn luyện phải đạt được kỹ năng sau:

- Giảm thiểu nguy cơ cháy và đảm bảo trạng thái sẵn sàng xử lý các tình huống khẩn cấp liên quan đến lửa;
- Cứu hỏa và dập lửa.

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Học viên tham gia khóa học phải đủ 16 tuổi trở lên.

**4. Cấp Giấy chứng nhận**

Sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này cùng với các chương huấn luyện: Cứu sinh, an toàn sinh mạng và trách nhiệm xã hội, sơ cứu cơ bản và nhận thức an ninh tàu biển, học viên sẽ được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản theo quy định.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

### **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Giảm thiểu nguy cơ cháy và đảm bảo trạng thái sẵn sàng xử lý các tình huống khẩn cấp liên quan đến lửa;

- Cứu hỏa và dập lửa.

### **8. Hỗ trợ giảng dạy (A)**

A1 - Thiết bị nghe nhìn: Tivi/hệ thống máy chiếu;

A2 - Đĩa DVD/VCD/file video clip v.v...

### **9. Tham chiếu theo IMO (R)**

R1 - IMO Model Course 1.20

### **10. Tài liệu học tập (T)**

T1 - Bài giảng Phòng cháy chữa cháy

**Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
	<b>Giới thiệu, an toàn và các nguyên tắc</b>	<b>1.0</b>	
	<b>Chương 1: Giảm thiểu rủi ro hỏa hoạn</b>		
1	Khái niệm và ứng dụng của tam giác cháy trong cháy nổ	1.0	
2	Phân loại và nguồn gốc phát lửa	0.5	
3	Vật liệu dễ cháy thường thấy trên tàu	1.0	
4	Sự cần thiết của việc duy trì cảnh giác	1.0	
5	Những nguy cơ hỏa hoạn	0.5	
	<b>Cộng</b>	<b>4.0</b>	
<b>I</b>	<b>Chương 2: Duy trì trạng thái sẵn sàng ứng phó khi có tình huống khẩn cấp liên quan đến cháy</b>		
1	Tổ chức phòng cháy chữa cháy trên tàu	0.5	0.5
	Vị trí của các thiết bị cứu hỏa & các lối thoát hiểm khẩn cấp	0.5	0.5
3	Sự lan truyền của đám cháy ra các phần khác trên tàu	0.5	
4	Các biện pháp phát hiện lửa và khói trên tàu và hệ thống báo động tự động	0.5	0.5
5	Phân loại hỏa hoạn và các chất dập lửa được sử dụng	0.5	
	<b>Cộng</b>	<b>2.5</b>	<b>1.5</b>
<b>II</b>	<b>Chương 3: Chống cháy và dập tắt đám cháy</b>		
1	Chọn lựa các thiết bị chống cháy và trang bị	1.0	4.0
2	Biện pháp phòng ngừa và sử dụng hệ thống chữa cháy cố định	0.5	1.5
3	Cách sử dụng thiết bị thở trong khi cứu hỏa	0.5	1.5
4	Cách sử dụng thiết bị thở trong việc cứu nạn		1.0
	<b>Cộng</b>	<b>2.0</b>	<b>8.0</b>
	<b>Đánh giá</b>	<b>1.0</b>	
	<b>Tổng</b>	<b>10.5</b>	<b>9.5</b>
		<b>20</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 42****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY  
NÂNG CAO**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình huấn luyện nhằm mục đích đào tạo cho học viên về cách kiểm soát, tổ chức chiến thuật và chỉ huy phòng cháy chữa cháy phòng cháy chữa cháy đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở Mục A-VI/3 của Bộ luật STCW và các sửa đổi.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt cách kiểm soát, tổ chức chiến thuật và chỉ huy phòng cháy chữa cháy được nêu tại Bảng A-VI/3 của Bộ luật STCW và các sửa đổi. Cụ thể học viên sau khi hoàn thành khóa huấn luyện phải đạt được kỹ năng như sau:

- Kiểm soát các hoạt động cứu hỏa trên tàu, đặc biệt là khâu tổ chức và chỉ huy;
- Tổ chức và huấn luyện cho thuyền viên về công tác cứu hỏa;
- Kiểm tra và sử dụng các thiết bị cũng như các hệ thống phát hiện và dập cháy;
- Điều tra làm báo cáo tai nạn liên quan đến hỏa hoạn trên tàu.

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Học viên tham gia chương trình huấn luyện này phải:

- Đã hoàn thành khóa huấn luyện cơ bản về phòng cháy chữa cháy trên tàu.

**4. Cấp Giấy chứng nhận**

Sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này, các học viên sẽ được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện phòng cháy chữa cháy nâng cao theo quy định.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

## **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

## **6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

## **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Nội dung đánh giá:

- Kiểm soát các hoạt động cứu hỏa trên tàu, đặc biệt là khâu tổ chức và chỉ huy;
- Tổ chức và huấn luyện cho thuyền viên về công tác cứu hỏa;
- Kiểm tra và sử dụng các thiết bị cũng như các hệ thống phát hiện và dập cháy;
- Điều tra làm báo cáo tai nạn liên quan đến hỏa hoạn trên tàu.

## **8. Hỗ trợ giảng dạy (A)**

A1 - Thiết bị nghe nhìn: Tivi/hệ thống máy chiếu;

A2 - Đĩa DVD/VCD/file video clip v.v...

## **9. Tham chiếu theo IMO (R)**

R1 - IMO Model Course 2.03

## **10. Tài liệu học tập (T)**

T1 - Bài giảng Phòng cháy chữa cháy nâng cao



**Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Thời gian (giờ)	
		LT	TH
1	Chương 1: Kiểm soát thao tác cứu hỏa trên tàu	10.0	
2	Chương 2: Tổ chức và huấn luyện đội cứu hỏa		6.0
3	Chương 3: Kiểm tra và bảo quản hệ thống, thiết bị phát hiện và dập tắt hỏa hoạn	3.0	8.0
4	Chương 4: Điều tra và thu thập báo cáo về các sự cố	2.0	2.0
	Đánh giá	1.0	
	<b>Tổng</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
		<b>32</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 43****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN CƠ BẢN CHO THUYỀN VIÊN  
LÀM VIỆC TRÊN TÀU DẦU VÀ TÀU HÓA CHẤT**

*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện cơ bản cho các sỹ quan và thuyền viên làm việc trên tàu dầu và tàu hóa chất, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở Mục A-V/1-1 của Bộ luật STCW.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực nêu tại Bảng A-V/1-1-1 của Bộ luật STCW. Cụ thể các học viên phải nắm được các kiến thức và kỹ năng như sau:

- Tham gia thực hiện các hoạt động hàng hóa an toàn trên tàu dầu và tàu hóa chất;
- Thực hiện phòng ngừa các nguy hiểm;
- Áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;
- Thực hiện các hoạt động dập cháy;
- Ứng phó với các tình huống khẩn cấp;
- Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ việc thải dầu và hóa chất.

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Học viên tham gia khóa học phải có Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cơ bản.

**4. Cấp Giấy chứng nhận**

Các học viên, sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện, được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện cơ bản tàu dầu và tàu hóa chất.

Học viên đã có thời gian đi biển 3 tháng trở lên trên tàu dầu hoặc tàu hóa chất, được cơ sở đào tạo miễn học tập, huấn luyện, nhưng phải tham gia kiểm tra, đánh giá năng lực để được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện cơ bản tàu dầu và tàu hóa chất.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

### **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải và phải:

- Thỏa mãn yêu cầu ở Mục A-I/6 của Bộ luật STCW;
- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan boong hoặc máy trở lên và nắm vững tính chất hàng hóa, có kinh nghiệm trong các hoạt động làm hàng và các quy trình an toàn trên tàu.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

Nội dung đánh giá:

- + Các loại tàu dầu và tàu hóa chất;

- + Hệ thống làm hàng trên tàu dầu và tàu hóa chất;
- + Các thuộc tính vật lý và hóa học của dầu mỏ và hóa chất;
- + Các nguy hiểm của dầu mỏ và hóa chất;
- + Các biện pháp kiểm soát nguy hiểm của dầu mỏ và hóa chất;
- + Các thiết bị an toàn và bảo vệ con người;
- + Các hoạt động dập cháy trên tàu dầu mỏ và tàu hóa chất;
- + Hoạt động làm hàng trên tàu dầu;
- + Hoạt động làm hàng trên tàu hóa chất;
- + Các quy trình khẩn cấp;
- + Các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm do dầu và hóa chất.

### **8. Phương tiện trợ giảng (A)**

A1 - Hệ thống trình chiếu/tivi.

### **9. Tham chiếu theo IMO (R)**

R1 - IMO Model Course 1.01

### **10. Tài liệu học tập (T)**

T1 Bài giảng huấn luyện cơ bản tàu dầu và tàu hóa chất

### **Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Kiến thức cơ bản về tàu kết	2.0	
2	Các thuộc tính vật lý và hóa học của dầu mỏ và hóa chất	5.0	
3	Văn hóa an toàn và quản lý an toàn trên tàu kết	2.0	
4	Kiểm soát các nguy hiểm	6.5	0.5
5.	Công tác an toàn	7.5	1.5
6	Các hoạt động an toàn và dập cháy	5.0	5.0
7	Các hoạt động làm hàng	7.0	

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
8	Quy trình khẩn cấp	1.5	
9	Ngăn ngừa ô nhiễm	1.5	
10	Nghiên cứu các tình huống khẩn cấp trên tàu dầu và tàu vận chuyển hàng độc hại	1.0	
11	Đánh giá	1.0	
		<b>40.0</b>	<b>7.0</b>
	<b>Tổng</b>	<b>47</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 44****CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN  
NÂNG CAO CHO THUYỀN VIÊN LÀM VIỆC TRÊN TÀU DẦU**  
(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện nâng cao cho các sỹ quan và thuyền viên có trách nhiệm và nhiệm vụ trực tiếp đến khai thác hệ thống hàng hóa trên tàu dầu, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở Mục A-V/1-1 của Bộ luật STCW.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực nêu tại Bảng A-V/1-1-2 của Bộ luật STCW. Cụ thể các học viên phải nắm được các kiến thức và kỹ năng như sau:

- Có khả năng thực hiện và kiểm tra an toàn tất cả các thao tác với hàng dầu;
- Làm quen với các thuộc tính vật lý và hóa học của hàng dầu mỏ;
- Thực hiện các lưu ý để phòng tránh nguy hiểm;
- Thực hiện các lưu ý về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;
- Có khả năng ứng phó với các tình huống nguy cấp;
- Thực hiện các lưu ý để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường;
- Thực hiện việc kiểm tra và kiểm soát tuân thủ các yêu cầu của luật.

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Các học viên tham gia chương trình huấn luyện này phải:

- Có chứng chỉ huấn luyện cơ bản tàu dầu và tàu hóa chất;
- Có ít nhất 3 tháng làm việc trên tàu dầu hoặc có 1 tháng được huấn luyện theo chương trình được thừa nhận trên tàu dầu trong đó có tối thiểu 3 lần nhận và 3 lần trả hàng.

**4. Cấp Giấy chứng nhận**

Sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này, các học viên sẽ được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nâng cao tàu dầu.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

### **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải và phải:

- Thỏa mãn yêu cầu ở Mục A-I/6 của Bộ luật STCW;
- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan quản lý boong hoặc máy trở lên và nắm vững tính chất hàng hóa, có kinh nghiệm trong các hoạt động làm hàng và các quy trình an toàn trên tàu.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

Nội dung đánh giá:

- + Thiết kế, các hệ thống và thiết bị trên tàu dầu;
- + Các loại bơm và đặc tính của chúng;

- + Công tác an toàn và kiểm tra an toàn trên tàu dầu;
- + Đo và tính dầu;
- + Hoạt động làm hàng trên tàu dầu;
- + Các quy trình và danh mục kiểm tra trên tàu dầu;
- + Các thuộc tính vật lý và hóa học của dầu mỏ;
- + Các nguy hiểm và biện pháp kiểm soát nguy hiểm trên tàu dầu;
- + Công tác đánh giá rủi ro và an toàn con người trên tàu dầu;
- + Các quy trình khẩn cấp trên tàu dầu;
- + Quy trình ngăn ngừa ô nhiễm môi trường trên tàu dầu;
- + Công tác kiểm tra và kiểm soát tuân thủ các yêu cầu của luật.

#### **8. Phương tiện trợ giảng (A)**

A1 - Hệ thống trình chiếu/tivi

A2 - Videos

#### **9. Tham chiếu theo IMO (R)**

R1 - IMO Model Course 1.02

#### **10. Tài liệu học tập (T)**

T1 - Bài giảng huấn luyện nâng cao tàu dầu

#### **Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Hiểu biết về thiết kế, các hệ thống và thiết bị tàu dầu	4.0	3.0
2	Hiểu biết về các đặc tính bơm, các loại bơm và vận hành an toàn chúng	3.0	
3	Văn hóa an toàn và thực thi hệ thống quản lý an toàn trên tàu kết	1.0	
4	Thấu hiểu về hệ thống kiểm tra và an toàn, bao gồm đóng khẩn cấp	1.5	
5	Xếp, dỡ và bảo quản hàng hóa	1.5	1.5



STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
6	Hiểu biết về ảnh hưởng của hàng lỏng rời tới hiệu số mơn nước, ổn định và nguyên vẹn cấu trúc	0.5	2.0
7	Thấu hiểu về các hoạt động làm hàng trên tàu dầu	9.5	5.5
8	Cải thiện kế hoạch làm hàng, các quy trình và danh mục kiểm tra	1.5	
9	Khả năng hiệu chuẩn và sử dụng hệ thống đo và kiểm tra,	0.5	1.0
10	Khả năng quản lý và giám sát các nhân viên làm hàng	1.5	
11	Thấu hiểu về các thuộc tính vật lý và hóa học của dầu mỏ	2.0	1.0
12	Thấu hiểu về các nguy hiểm và các biện pháp kiểm soát	4.0	
13	Thấu hiểu về thực hiện công việc an toàn: đánh giá rủi ro và an toàn con người trên tàu dầu	2.5	
14	Thấu hiểu về các quy trình khẩn cấp trên tàu dầu	2.0	
15	Các hành động cần làm khi va chạm, mắc cạn hoặc tràn hàng	1.5	
16	Hiểu biết về quy trình sơ cứu	1.5	
17	Hiểu biết về quy trình ngăn ngừa ô nhiễm không khí và môi trường	1.5	
18	Thấu hiểu các điều khoản của MARPOL 73/78, các tài liệu liên quan của IMO và các quy định của cảng thường được áp dụng	1.5	
19	Nghiên cứu tình huống	4.0	
20	Đánh giá	1.0	
		<b>46.0</b>	<b>14.0</b>
	<b>Tổng</b>	<b>60.0 giờ</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

**PHỤ LỤC 45**

**CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NÂNG CAO  
CHO THUYỀN VIÊN LÀM VIỆC TRÊN TÀU HÓA CHẤT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Phần A: Cấu trúc chương trình huấn luyện****1. Mục đích**

Chương trình được xây dựng để huấn luyện nâng cao cho các sỹ quan và thuyền viên có trách nhiệm và nhiệm vụ trực tiếp đến khai thác hệ thống hàng hóa trên tàu hóa chất, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ở Mục A-V/1-1 của Bộ luật STCW.

**2. Mục tiêu**

Học viên sau huấn luyện sẽ đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực nêu tại Bảng A-V/1-1-3 của Bộ luật STCW. Cụ thể các học viên phải nắm được các kiến thức và kỹ năng như sau:

- Có khả năng thực hiện và kiểm tra an toàn tất cả các thao tác với hàng hóa chất;
- Làm quen với các thuộc tính vật lý và hóa học của hàng hóa chất;
- Thực hiện các lưu ý để phòng tránh nguy hiểm;
- Thực hiện các lưu ý về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;
- Có khả năng ứng phó với các tình huống nguy cấp;
- Thực hiện các lưu ý để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường;
- Thực hiện việc kiểm tra và kiểm soát tuân thủ các yêu cầu của luật;

**3. Tiêu chuẩn tham gia khóa học**

Các học viên tham gia chương trình huấn luyện này phải:

- Có chứng chỉ huấn luyện cơ bản tàu dầu và tàu hóa chất;
- Có ít nhất 3 tháng phục vụ trên tàu hóa chất hoặc có 1 tháng được huấn luyện theo chương trình được thừa nhận trên tàu hóa chất, trong đó có tối thiểu 3 lần nhận và 3 lần trả hàng.

**4. Cấp Giấy chứng nhận**

Sau khi hoàn thành chương trình huấn luyện này, các học viên sẽ được cơ sở đào tạo cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nâng cao tàu hóa chất.

Cơ sở đào tạo xem xét, quyết định việc miễn/công nhận một số nội dung học viên đã được học tập, huấn luyện trong chương trình đào tạo khác do chính cơ sở đào tạo tổ chức. Học viên phải học tập, huấn luyện các nội dung còn thiếu và tham gia kiểm tra/đánh giá để được công nhận hoàn thành khóa học.

### **5. Tổ chức lớp học**

- Lớp học trực tiếp không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

### **6. Tiêu chuẩn huấn luyện viên**

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải và phải:

- Thỏa mãn yêu cầu ở Mục A-I/6 của Bộ luật STCW;
- Có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan quản lý boong hoặc máy trở lên và nắm vững tính chất hàng hóa, có kinh nghiệm trong các hoạt động làm hàng và các quy trình an toàn trên tàu.

### **7. Phương pháp đánh giá**

Cơ sở đào tạo lựa chọn một hoặc nhiều trong các hình thức đánh giá năng lực học viên dưới đây cho phù hợp với cơ sở của mình:

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra vấn đáp;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thực hành.

Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

Nội dung đánh giá:

- + Thiết kế, các hệ thống và thiết bị trên tàu hóa chất;
- + Các loại bơm và đặc tính của chúng;
- + Công tác an toàn và kiểm tra an toàn trên tàu hóa chất;
- + Đo và tính hóa chất;
- + Hoạt động làm hàng trên tàu hóa chất;
- + Các quy trình và danh mục kiểm tra trên tàu hóa chất;
- + Các thuộc tính vật lý và hóa học của hóa chất;
- + Các nguy hiểm và biện pháp kiểm soát nguy hiểm trên tàu hóa chất;
- + Công tác đánh giá rủi ro và an toàn con người trên tàu hóa chất;
- + Các quy trình khẩn cấp trên tàu hóa chất;
- + Quy trình ngăn ngừa ô nhiễm môi trường trên tàu hóa chất;
- + Công tác kiểm tra và kiểm soát tuân thủ các yêu cầu của luật.

### **8. Phương tiện trợ giảng (A)**

A1 - Hệ thống trình chiếu

### **9. Tham chiếu theo IMO (R)**

R1 - IMO Model Course 1.03

### **10. Tài liệu học tập (T)**

T1 - Bài giảng huấn luyện nâng cao tàu hóa chất

### **Phần B: Chương trình và phân bố thời gian huấn luyện**

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Hiểu biết về thiết kế, các hệ thống và thiết bị tàu hóa chất	1.5	6.5
2	Hiểu biết về các đặc tính bơm, các loại bơm và vận hành an toàn chúng	1.5	
3	Văn hóa an toàn và thực thi hệ thống quản lý an toàn trên tàu kết	1.5	

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
4	Thấu hiểu về hệ thống kiểm tra và an toàn, bao gồm đóng khẩn cấp	1.5	
5	Thể hiện khả năng đo và tính hàng	1.5	1.5
6	Hiểu biết về ảnh hưởng của hàng lỏng rời tới hiệu số mớn nước, ổn định và nguyên vẹn cấu trúc		1.5
7	Thấu hiểu về các hoạt động làm hàng trên tàu hóa chất	4.0	6.5
8	Cải thiện và thực thi kế hoạch làm hàng, các quy trình và danh mục kiểm tra		1.5
9	Khả năng hiệu chuẩn và sử dụng hệ thống đo và kiểm tra	0.5	1.0
10	Khả năng quản lý và giám sát các nhân viên làm hàng	1.5	
11	Thấu hiểu về các thuộc tính vật lý và hóa học của chất lỏng độc hại	1.5	
12	Hiểu biết về các thông tin hàm chứa trong SDS		1.5
13	Thấu hiểu về các nguy hiểm và các biện pháp kiểm soát	4.5	
14	Thấu hiểu về các nguy hiểm khi không tuân thủ các luật và quy tắc liên quan	1.0	
15	Thấu hiểu về thực hiện công việc an toàn: đánh giá rủi ro và an toàn con người trên tàu hóa chất	3.0	
16	Thấu hiểu về các quy trình khẩn cấp trên tàu hóa chất	2.5	
17	Các hành động khi va chạm, mắc cạn hoặc tràn hàng	0.5	

STT	Nội dung	Số giờ	
		Lý thuyết	Thực hành
18	Hiểu biết về quy trình sơ cứu trên tàu hóa chất, có tham chiếu MFAG	3.0	
19	Hiểu biết về quy trình ngăn ngừa ô nhiễm không khí và môi trường	1.5	
20	Thấu hiểu các điều khoản của MARPOL 1973/1978, các tài liệu liên quan của IMO và các quy định của cảng thường được áp dụng	1.5	
21	Kỹ năng sử dụng IBC Code và các tài liệu liên quan	3.0	
22	Nghiên cứu tình huống	3.0	
23	Đánh giá	1.5	
		<b>40.0</b>	<b>20.0</b>
	<b>Tổng</b>	<b>60.0 giờ</b>	

Ghi chú: 01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập.

(Xem tiếp Công báo số 357 + 358)

---

---

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại liên hệ:  
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517  
- Phát hành: 080.48543  
Email: [congbao@chinhphu.vn](mailto:congbao@chinhphu.vn)  
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>  
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng